

TỔNG ĐIỂM
THEO CÁC LĨNH VỰC, TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN ĐỐI VỚI CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
(Kèm theo Báo cáo số: 118 /BC-SNV, ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Sở Nội vụ)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	UBND TP Đông Hới	UBND TX Ba Đồn	UBND huyện Lệ Thủy	UBND huyện Quảng Ninh	UBND huyện Bó Trạch	UBND huyện Quảng Trạch	UBND huyện Tuyên Hóa	UBND huyện Minh Hóa
I	NHÓM TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC CCHC THEO LĨNH VỰC	95	84,69	73,117	74,942	85,725	76,791	67,699	80,518	65,755
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC CỦA UBND CẤP HUYỆN	15	13,787	13,944	12,682	14,509	12,185	13,854	14,41	10,347
1.1	Kế hoạch CCHC năm	2,5	2,5	2,4	2,25	2,5	2,4	2,5	2,4	2,4
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời (trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch)	1	1	1	0,75	1	1	1	1	1
1.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Chương trình CCHC của huyện, thành phố	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
1.1.3	Các kết quả phải được xác định rõ ràng, cụ thể và định rõ trách nhiệm triển khai của cơ quan, tổ chức	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
1.1.4	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC của UBND cấp huyện	0,5	0,5	0,4	0,5	0,5	0,4	0,5	0,4	0,4
1.2	Bố trí kinh phí chỉ đạo, triển khai công tác CCHC (không bố trí kinh phí lồng ghép với các nội dung khác)	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
1.3	Báo cáo CCHC	2,5	2,5	2,5	2	2,25	2,5	2,25	2,5	2
1.3.1	Số lượng báo cáo (2 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm)	2	2	2	1,75	2	2	2	2	1,75
1.3.2	Tất cả báo cáo có đầy đủ nội dung theo hướng dẫn (Riêng báo cáo 6 tháng và báo cáo năm phải có các biểu mẫu kèm theo)	0,5	0,5	0,5	0,25	0,25	0,5	0,25	0,5	0,25
1.4	Kiểm tra công tác CCHC	2	2	1,75	2	2	0	2	1,75	0,5
1.4.1	Kế hoạch kiểm tra CCHC đối với cơ quan và các đơn vị thuộc UBND cấp huyện (kể cả cấp xã)	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0	0,5	0,25	0,5
1.4.2	Báo cáo kết quả kiểm tra CCHC	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0	0,5	0,5	0
1.4.3	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	1	1	0,75	1	1	0	1	1	0
1.5	Công tác tuyên truyền CCHC	2	1,902	1,841	0,943	1,939	1,739	1,754	1,939	1,292
1.5.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC	0,5	0,5	0,5	0	0,5	0,5	0,5	0,5	0
1.5.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	0,5	0,5	0,5	0	0,5	0,5	0,4	0,5	0,3
1.5.3	Tác động của tuyên truyền đối với việc nâng cao nhận thức của CBCCV, người dân, tổ chức về CCHC	1	0,902	0,841	0,943	0,939	0,739	0,854	0,939	0,992
1.6	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC	1,5	1	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	0
1.6.1	Có quy định, quy chế bằng văn bản gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	0,5	0	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	UBND TP Đồng Hới	UBND TX Ba Đồn	UBND huyện Lệ Thủy	UBND huyện Quảng Ninh	UBND huyện Bồ Trạch	UBND huyện Quảng Trạch	UBND huyện Tuyên Hóa	UBND huyện Minh Hóa
1.6.2	Triển khai đánh giá công tác CCHC cấp xã hàng năm theo Bộ chỉ số đảm bảo quy định	1	1	1	1	1	1	1	1	0
1.7	Trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác CCHC	1	0,75	0,75	0,75	1	1	0,75	1	1
1.7.1	Phân công trách nhiệm phụ trách công tác CCHC	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
1.7.2	Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành, báo cáo CCHC của UBND cấp huyện	0,5	0,25	0,25	0,25	0,5	0,5	0,25	0,5	0,5
1.8	Kết quả chỉ đạo, điều hành CCHC của UBND cấp huyện	3	2,635	2,703	2,739	2,82	2,546	2,6	2,821	2,655
1.8.1	Chất lượng các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC	1	0,902	0,895	0,949	0,964	0,887	0,904	0,952	0,904
1.8.2	Tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC	1	0,823	0,846	0,836	0,892	0,777	0,828	0,892	0,819
1.8.3	Công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ CCHC	1	0,91	0,962	0,954	0,964	0,882	0,868	0,977	0,932
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI UBND CẤP HUYỆN	12	11,6	10,25	11,054	11,237	10,993	10,788	11,778	8,291
2.1	Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp huyện <i>Trường hợp trong năm không ban hành văn bản QPPL nào do không được luật giao thì chấm = 1</i>	1,5	1,5	1,5	1,5	1	1,5	1,5	1,5	0,5
2.1.1	Mức độ thực hiện của HĐND, UBND cấp huyện so với kế hoạch xây dựng, ban hành văn bản QPPL hàng năm của cấp huyện	1	1	1	1	1	1	1	1	0,5
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng văn bản QPPL	0,5	0,5	0,5	0,5	0	0,5	0,5	0,5	0
2.2	Mức độ phù hợp, tính khả thi và tính hiệu quả của Hệ thống văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp huyện ban hành	3	2,6	2,5	2,654	2,737	2,493	2,538	2,778	2,541
2.2.1	Mức độ phù hợp với tình hình thực tế của văn bản QPPL do UBND cấp huyện ban hành	1	0,859	0,801	0,898	0,917	0,817	0,846	0,919	0,879
2.2.2	Tính khả thi của văn bản QPPL do UBND cấp huyện ban hành	1	0,872	0,869	0,881	0,913	0,831	0,852	0,925	0,822
2.2.3	Tính hiệu quả, ổn định của văn bản QPPL do UBND cấp huyện ban hành	1	0,869	0,83	0,875	0,907	0,845	0,84	0,934	0,84
2.3	Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	2	2	1,25	2	2	1,5	2	2	1
2.3.1	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thuộc trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa của UBND cấp huyện (ban hành kế hoạch riêng hoặc chung trong kế hoạch kiểm tra văn bản QPPL của cấp huyện)	0,5	0,5	0,25	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
2.3.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL	1	1	1	1	1	1	1	1	0,5
2.3.3	Thực hiện đảm bảo nguyên tắc, trách nhiệm, quy trình rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thuộc phạm vi rà soát, hệ thống hóa của cơ quan, đơn vị theo quy định.	0,5	0,5	0	0,5	0,5	0	0,5	0,5	0
2.4	Thực hiện việc tự kiểm tra văn bản QPPL do UBND cấp huyện ban hành; kiểm tra theo thẩm quyền văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp xã ban hành	3	3	2,75	2,4	3	3	2,5	3	2

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	UBND TP Đồng Hới	UBND TX Ba Đồn	UBND huyện Lệ Thủy	UBND huyện Quảng Ninh	UBND huyện Bồ Trạch	UBND huyện Quảng Trạch	UBND huyện Tuyên Hóa	UBND huyện Minh Hóa
2.4.1	Ban hành Kế hoạch kiểm tra văn bản QPPL tại UBND cấp huyện (ban hành kế hoạch riêng hoặc chung trong kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của cấp huyện)	0,5	0,5	0,25	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
2.4.2	Mức độ thực hiện việc tự kiểm tra	1	1	1	0,75	1	1	1	1	0,75
2.4.3	Mức độ thực hiện việc kiểm tra theo thẩm quyền	1	1	1	0,75	1	1	0,5	1	0,75
2.4.4	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	0,5	0,5	0,5	0,4	0,5	0,5	0,5	0,5	0
2.5	Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi cấp huyện	2,5	2,5	2,25	2,5	2,5	2,5	2,25	2,5	2,25
2.5.1	Tổ chức triển khai văn bản QPPL do Trung ương, tỉnh, huyện ban hành	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2.5.2	Ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	0,5	0,5	0,25	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
2.5.3	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	1	1	1	1	1	1	0,75	1	0,75
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	14	12,5	11	10,3	11,8	10,3	8,75	10,5	6,75
3.1	Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC của UBND cấp huyện	4	4	3	3,5	3,5	3	2	3	2
3.1.1	Ban hành kế hoạch	1	1	1	1	1	1	1	1	1
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	3	3	2	2,5	2,5	2	1	2	1
3.2	Công bố, công khai TTHC và kiểm soát việc thực hiện TTHC	8	7,5	6,5	5,8	6,8	6,3	5,75	6,5	3,75
3.2.1	Phát hiện các quy định về TTHC chưa được công bố hoặc có sự khác biệt giữa nội dung công bố với văn bản QPPL về TTHC, kịp thời kiến nghị Sở quản lý chuyên ngành trình UBND tỉnh công bố	1	1	0,5	0,5	1	1	0,5	0	0
3.2.2	Thực hiện việc công khai, minh bạch các TTHC tại các địa điểm tiếp nhận hồ sơ dưới 02 hình thức niêm yết trên bảng và đóng thành sổ hướng dẫn	2	2	1,5	1	1,5	1	1	1,5	1
3.2.3	Công khai các TTHC trên Trang thông tin điện tử của các huyện, thị xã, thành phố	1	1	1	1	1	1	0,75	1	1
3.2.4	Niêm yết công khai nội dung hướng dẫn và địa chỉ cơ quan giúp UBND tỉnh, UBND cấp huyện tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về TTHC tại các địa điểm tiếp nhận hồ sơ	0,5	0,5	0,5	0,3	0,3	0,3	0,5	0,5	0,25
3.2.5	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
3.2.6	Kiểm soát việc tổ chức thực hiện các TTHC theo đúng quy định của pháp luật	2	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	2	1
3.2.7	Tổ chức tự kiểm tra công tác kiểm soát TTHC theo quy định tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP và Thông tư số 25/2014/TT-BTP	1	1	1	1	1	1	1	1	0
3.3	Rà soát, đánh giá các quy định về TTHC để kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật	2	1	1,5	1	1,5	1	1	1	1

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	UBND TP Đồng Hới	UBND TX Ba Đồn	UBND huyện Lệ Thủy	UBND huyện Quảng Ninh	UBND huyện Bồ Trạch	UBND huyện Quảng Trạch	UBND huyện Tuyên Hóa	UBND huyện Minh Hóa
3.3.1	Có nội dung, danh mục rà soát TTHC trọng tâm trong Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC hàng năm; đảm bảo đúng theo yêu cầu của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP	1	1	1	1	1	1	1	1	1
3.3.2	Kết quả thực hiện rà soát, đánh giá các TTHC trọng tâm	1	0	0,5	0	0,5	0	0	0	0
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	11	10,717	8,914	7,874	10,391	8,657	9,031	9,396	9,504
4.1	Xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí, việc làm tại cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện	3	3	2,25	3	3	3	2,75	3	2,5
4.1.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
4.1.2	Tỷ lệ công chức thực hiện cơ cấu theo vị trí việc làm được phê duyệt	1	1	0,75	1	1	1	1	1	1
4.1.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
4.1.4	Tỷ lệ viên chức thực hiện cơ cấu theo vị trí việc làm được phê duyệt	1	1	0,5	1	1	1	0,75	1	0,5
4.2	Thực hiện chính sách tinh giản biên chế	1	1	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,75	0,5
4.2.1	Ban hành kế hoạch, đăng ký tinh giản biên chế hàng năm	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
4.2.2	Mức độ thực hiện tinh giản biên chế theo kế hoạch hàng năm	0,5	0,5	0	0	0	0	0	0,25	0
4.3	Tuân thủ các quy định của Chính phủ, các Bộ, ngành về tổ chức bộ máy	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
4.4	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp huyện và các đơn vị trực thuộc theo quy định	2	1,801	1,848	1,91	1,915	1,761	1,85	1,923	1,82
4.4.1	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp huyện	1	0,911	0,918	0,957	0,958	0,899	0,916	0,973	0,886
4.4.2	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc UBND cấp huyện	1	0,89	0,93	0,953	0,957	0,862	0,934	0,95	0,934
4.5	Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các đơn vị thuộc và trực thuộc UBND cấp huyện	1,5	1,5	1,4	0	1,5	0	1	1,25	1,5
4.5.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra (Có kế hoạch riêng hoặc kế hoạch lồng ghép vào kế hoạch khác nhưng phải chi tiết, cụ thể)	0,5	0,5	0,5	0	0,5	0	0,5	0,25	0,5
4.5.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra tổ chức và hoạt động	0,5	0,5	0,4	0	0,5	0	0,5	0,5	0,5
4.5.3	Báo cáo kết quả kiểm tra tổ chức và hoạt động	0,5	0,5	0,5	0	0,5	0	0	0,5	0,5
4.6	Thực hiện phân cấp quản lý	1,5	1,5	1	0,5	1,5	1,5	1	0,5	1,25
4.6.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý theo quy định	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,25
4.6.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp cho các đơn vị trực thuộc	0,5	0,5	0,5	0	0,5	0,5	0,5	0	0,5
4.6.3	Báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá về phân cấp quản lý theo quy định	0,5	0,5	0	0	0,5	0,5	0	0	0,5
4.7	Quy chế làm việc của UBND cấp huyện	1,5	1,416	1,416	1,464	1,476	1,396	1,431	1,473	1,434

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	UBND TP Đồng Hới	UBND TX Ba Đồn	UBND huyện Lệ Thủy	UBND huyện Quảng Ninh	UBND huyện Bồ Trạch	UBND huyện Quảng Trạch	UBND huyện Tuyên Hóa	UBND huyện Minh Hóa
4.7.1	Có quy chế làm việc theo quy định	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
4.7.2	Kết quả thực hiện quy chế làm việc của UBND cấp huyện	1	0,916	0,916	0,964	0,976	0,896	0,931	0,973	0,934
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	15	13,562	13,512	13,74	14,172	12,987	11,762	13,215	13,283
5.1	Tuyển dụng và bố trí sử dụng công chức, viên chức	4	3,25	3,25	3,5	4	3	2,5	2,75	3,8
5.1.1	Tỷ lệ sử dụng biên chế công chức, viên chức được giao hàng năm	1	0,75	0,75	1	1	0	0	0,75	1
5.1.2	Thực hiện việc tuyển dụng viên chức theo đúng quy định	1	1	1	1	1	1	1	1	1
5.1.3	Thực hiện bố trí công chức, viên chức đã được tuyển dụng theo đúng quy định của vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp	1	1	1	1	1	1	1	1	1
5.1.4	Thực hiện việc xếp ngạch công chức, viên chức theo đúng quy định	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0	0,3
5.1.5	Thực hiện thi thăng hạng viên chức tại các đơn vị thuộc và trực thuộc UBND cấp huyện	0,5	0	0	0	0,5	0,5	0	0	0,5
5.2	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm theo quy định	2	1,873	1,877	1,88	1,958	1,856	1,901	1,91	1,846
5.2.1	Tổ chức thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm theo quy định	1	1	1	1	1	1	1	1	1
5.2.2	Tính chính xác, khách quan, công bằng công tác đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm	1	0,873	0,877	0,88	0,958	0,856	0,901	0,91	0,846
5.3	Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo quy định	1	1	1	1	1	1	0	0,8	1
5.3.1	Ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác hàng năm của UBND cấp huyện	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0	0,5	0,5
5.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác hàng năm của UBND cấp huyện	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0	0,3	0,5
5.4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ CCVC	2	2	1,9	1,75	1,75	2	1,75	2	1
5.4.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm của UBND cấp huyện	0,5	0,5	0,5	0,25	0,5	0,5	0,25	0,5	0
5.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của UBND cấp huyện	0,5	0,5	0,4	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0
5.4.3	Tỷ lệ cán bộ, CCVC (không tính cấp xã) được đào tạo, bồi dưỡng trong năm	0,5	0,5	0,5	0,5	0,25	0,5	0,5	0,5	0,5
5.4.4	Cử công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng tập trung của tỉnh	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
5.5	Chất lượng cán bộ, công chức, viên chức	4	3,539	3,585	3,71	3,814	3,331	3,711	3,855	3,837
5.5.1	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CCVC	1	0,866	0,915	0,89	0,927	0,843	0,901	0,918	0,935
5.5.2	Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của CCVC	1	0,881	0,864	0,914	0,946	0,84	0,911	0,961	0,95
5.5.3	Thái độ phục vụ của CCVC	1	0,894	0,849	0,916	0,952	0,841	0,909	0,976	0,952
5.5.4	Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của CCVC	1	0,898	0,957	0,99	0,989	0,807	0,99	1	1
5.6	Cán bộ, công chức cấp xã	2	1,9	1,9	1,9	1,65	1,8	1,9	1,9	1,8

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	UBND TP Đồng Hới	UBND TX Ba Đồn	UBND huyện Lệ Thủy	UBND huyện Quảng Ninh	UBND huyện Bồ Trạch	UBND huyện Quảng Trạch	UBND huyện Tuyên Hóa	UBND huyện Minh Hóa
5.6.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,4	0,5	0,5	0,5
5.6.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	0,5	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4	0,3
5.6.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	1	1	1	1	0,75	1	1	1	1
6	ĐỔI MỚI CƠ CHẾ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP	5	3,796	2,564	3,745	3,707	4,722	4,264	3,75	2,688
6.1	Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại UBND cấp huyện	2,5	1,909	1,309	1,875	1,901	2,361	2,387	1,868	1,33
6.1.1	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
6.1.2	Mức thu nhập tăng thêm bình quân của cán bộ, công chức hàng tháng khi thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính	1	0,5	0	0,5	0,5	1	1	0,5	0
6.1.3	Tác động của việc thực hiện cơ chế tài chính tại UBND cấp huyện	1	0,909	0,809	0,875	0,901	0,861	0,887	0,868	0,83
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện	2,5	1,887	1,255	1,87	1,806	2,361	1,877	1,882	1,358
6.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm có hiệu quả	0,5	0,5	0,5	0,5	0,4	0,5	0,5	0,5	0,5
6.2.2	Mức thu nhập tăng thêm bình quân của viên chức hàng tháng khi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	1	0,5	0	0,5	0,5	1	0,5	0,5	0
6.2.3	Tác động của việc thực hiện cơ chế tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1	0,887	0,755	0,87	0,906	0,861	0,877	0,882	0,858
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	14	12	6,75	9,75	13	11	8,25	10,75	8,75
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin của UBND cấp huyện	6	5	2,25	4,75	5	3	3,75	3,75	3,25
7.1.1	Tổ chức thực hiện ứng dụng CNTT theo quy định (Đánh giá, xếp loại của Sở TTTT), ban hành KH ứng dụng CNTT hàng năm và tổ chức thực hiện	1	1	1	0,75	1	1	0,75	1	1
7.1.2	Mức độ sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc của CBCCVV	1	0,5	0	0	0,5	0	0	0,75	0
7.1.3	Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	1	1	0,5	1	0,75	1	1	0,5	1
7.1.4	Triển khai thực hiện, ứng dụng phần mềm quản lý văn bản tại UBND cấp huyện	1	1	0,75	1	1	0,5	1	0,5	0,75
7.1.5	Triển khai thực hiện, ứng dụng phần mềm quản lý văn bản về UBND cấp xã	1	1	0	1	0,75	0,5	1	0,5	0,5
7.1.6	Triển khai phần mềm Quản lý nhân sự (Phân hệ quản lý hồ sơ)	1	0,5	0	1	1	0	0	0,5	0
7.2	Chất lượng cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện	3	3	2,5	2	3	3	2,5	2	2,5
7.2.1	Tính kịp thời của thông tin cung cấp	1	1	0,75	0,5	1	1	0,75	0,5	0,75
7.2.2	Mức độ đầy đủ của thông tin về các lĩnh vực quản lý nhà nước cung cấp	1	1	0,75	1	1	1	0,75	0,5	0,75
7.2.3	Mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin	1	1	1	0,5	1	1	1	1	1
7.3	Áp dụng ISO 9001 trong hoạt động của sở, ban, ngành	5	4	2	3	5	5	2	5	3

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	UBND TP Đồng Hới	UBND TX Ba Đồn	UBND huyện Lệ Thủy	UBND huyện Quảng Ninh	UBND huyện Bồ Trạch	UBND huyện Quảng Trạch	UBND huyện Tuyên Hóa	UBND huyện Minh Hóa
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG	9	6,728	6,183	5,797	6,909	5,947	1	6,719	6,142
8.1	Triển khai thực hiện Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại	3	2	1,5	1	1,5	1,5	0,5	1,5	1
8.1.1	Xây dựng, triển khai thực hiện Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông hiện đại cấp huyện	1	1	1	1	1	1	0,5	1	1
8.1.2	Tỷ lệ phòng, ban chuyên môn có TTHC thực hiện qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông hiện đại thuộc UBND cấp huyện	1	0,5	0	0	0,5	0,5	0	0,5	0
8.1.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông đảm bảo quy định về diện tích, cơ sở vật chất, trang thiết bị tin học,... (trừ các xã được Thủ tướng Chính phủ cho phép chưa thực hiện)	1	0,5	0,5	0	0	0	0	0	0
8.2	Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1,5	0,5	0,5	0,5	1	0,5	0,5	0,75	0,75
8.2.1	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện được giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1	0	0	0	0,5	0	0	0,25	0,25
8.2.2	Có các TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông với cơ quan nhà nước các cấp, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
8.3	Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và mức độ hiện đại hóa của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông cấp huyện	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	0	1,5	1,5
8.3.1	Bố trí phòng làm việc	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0	0,5	0,5
8.3.2	Bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị (bàn, ghế làm việc, bàn ghế ngồi chờ, điều hòa, quạt,...)	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0	0,5	0,5
8.3.3	Bố trí hệ thống tin học (đủ số lượng máy tính, có kết nối mạng, ứng dụng hệ thống phần mềm dùng chung,...) tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0	0,5	0,5
8.4	Chất lượng phục vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	3	2,728	2,683	2,797	2,909	2,447	0	2,969	2,892
8.4.1	Thái độ phục vụ của công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1	0,891	0,881	0,904	0,956	0,806	0	0,974	0,931
8.4.2	Thời gian giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	1	0,933	0,917	0,958	1	0,802	0	1	1
8.4.3	Chất lượng giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	1	0,904	0,885	0,935	0,953	0,839	0	0,995	0,961
II	NHÓM TIÊU CHÍ ĐIỂM THƯỞNG	5	1	0	0	0	0	0	1	0
1	Có đề tài, sáng kiến trong triển khai công tác CCHC được cơ quan có thẩm quyền công nhận, phê duyệt, ban hành bằng văn bản.	1	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị thuộc và trực thuộc UBND cấp huyện.	1	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Có triển khai thực hiện thu hút nhân tài về công tác tại cơ quan, đơn vị	1	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 hoặc mức độ 4	1	1	0	0	0	0	0	0	0

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	UBND TP Đồng Hới	UBND TX Ba Đồn	UBND huyện Lệ Thủy	UBND huyện Quảng Ninh	UBND huyện Bồ Trạch	UBND huyện Quảng Trạch	UBND huyện Tuyên Hóa	UBND huyện Minh Hóa
5	Kết quả điều tra, khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với việc giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa cấp huyện (M-Score) được đánh giá Tốt	1	0	0	0	0	0	0	1	0
III	NHÓM TIÊU CHÍ ĐIỂM TRỪ	-5	-1	-2	-2	-2	-2	-2	-1	-2
1	Đề xảy ra tham nhũng, lãng phí hoặc sai phạm trong quản lý mà cán bộ, công chức, viên chức liên quan bị xử lý kỷ luật mức cảnh cáo trở lên hoặc xử lý trách nhiệm hình sự.	-1	-1	-1	-1	-1	-1	-1	-1	-1
2	Không công khai, minh bạch các thông tin, tài liệu để các tổ chức, cá nhân tiếp cận theo quy định.	-1	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Đề xảy ra tình trạng chậm trễ, sai sót dẫn đến phản ánh của tổ chức, công dân đối với việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền cơ quan, đơn vị.	-1	0	0	0	-1	0	0	0	0
4	Tổ chức điều tra xã hội học không đúng đối tượng, đề xảy ra tình trạng sai sót trong phiếu điều tra (sửa chữa, tẩy xóa,...) vượt 5% tổng số phiếu.	-1	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Báo cáo tự chấm điểm Chỉ số CCHC thiếu chính xác, thiếu khách quan, sai số quá 5% so với điểm thẩm định	-1	0	-1	-1	0	-1	-1	0	-1
	Tổng cộng:	100,00	84,69	71,12	72,94	83,73	74,79	65,70	80,52	63,76